

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG MỞ, SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG, TÀI KHOẢN THANH TOÁN, THẺ GHI NỢ VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

APPLICATION FORM AND AGREEMENT FOR OPENING AND USING CREDIT CARDS, CURRENT ACCOUNT, DEBIT CARD, AND REGISTERING SERVICES FOR INDIVIDUAL CUSTOMERS

Kính gửi/To: **NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG, CN/PGD/Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB)**.....

A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG/CUSTOMER INFORMATION

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN/PERSONAL INFORMATION

Họ và tên/Full name:.....

Ngày sinh/Date of birth (dd/mm/yyyy):.../.../..... Giới tính/Gender: ☐ Nam/Male ☐ Nữ/Female

Quốc tịch/Nationality: ☐ Việt Nam/Vietnam ☐ Hoa Kỳ/United States ☐ Khác/Other:

Tên in trên
thẻ/Name on the
card

Tên in trên thẻ theo Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu¹ (Gọi chung là Giấy tờ tùy thân – GTTT). Nếu họ và tên trên GTTT vượt quá 21 ký tự (kể cả khoảng trắng), OCB sẽ viết tắt từng chữ lót từ trái qua phải tương ứng với Họ và tên đầy đủ trên GTTT/Name on the card as per Citizen Identification Card/ID Card/Passport (collectively referred to as Identification Document – ID). If the full name on the ID exceeds 21 characters (including spaces), OCB will abbreviate the middle name(s) from left to right in accordance with the full name on the ID.

Giấy tờ tùy thân/Identification Document

Số/Number: Cấp bởi/Issued by:

Ngày cấp/Date of issue:..... Ngày hết hạn/Expiration date:.....

Thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ tương đương/Visa or equivalent document¹

Số/Number: Cấp bởi/Issued by:

Ngày cấp/Date of issue:..... Ngày hết hạn/Expiration date:.....

Thời hạn cư trú tại còn lại Việt Nam/Remaining residency period in Vietnam¹ tháng/month(s)

Tình trạng cư trú/Residency status

☐ Cư trú/Resident ☐ Không cư trú/Non-resident

Số giấy tờ tùy thân cũ/Old ID number (1):

Số giấy tờ tùy thân cũ/Old ID number (2):

Mã số thuế/Tax code:

Nơi sinh/Place of birth:

Số điện thoại di động/Mobile phone number:.....

E-mail:.....

¹ Chỉ áp dụng đối với KH có quốc tịch nước ngoài/ Applicable only to customers with foreign nationality

Tình trạng hôn nhân/Marital status ☐ Độc thân/Single ☐ Ly hôn/Divorced			☐ Kết hôn/Married ☐ Khác/Other								
Địa chỉ thường trú/Permanent add. Số nhà/House number: Đường/Street: Phường/xã/Ward/Commune: Quận/Huyện/District: Tỉnh/TP/Province/City: Quốc gia/Country:			Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current residence add. Số nhà/House number: Đường/Street: Phường/xã/Ward/Commune: Quận/Huyện/District: Tỉnh/TP/Province/City: Quốc gia/Country:								
Tình trạng sở hữu nhà ở/Housing ownership status ☐ Chính chủ sở hữu/Owner ☐ Thuê/Rent						☐ Sống với bố mẹ/Living with parents ☐ Khác/Other					
Nghề nghiệp/Occupation ☐ Công chức/Government officer ☐ Nhân viên văn phòng/Office worker						☐ Tự doanh/Self-employed ☐ Khác/Other					
Trình độ học vấn/Educational level ☐ Trung học/High school ☐ Trung cấp/Vocational ☐ Cao đẳng/Đại học/College/University ☐ Sau đại học/Postgraduate ☐ Khác/Other											
Là người nhận ủy thác của ủy thác nước ngoài/Are you a trustee of a foreign trust: ☐ Có/Yes ☐ Không/No Nếu chọn “Có” vui lòng cung cấp thêm thông tin theo quy định của OCB/If "Yes", please provide additional information as required by OCB.											
Thông tin cho Khách hàng Đa Quốc tịch/Information for Multi-National Customers											
Mã số thuế/Tax code:											
Đa quốc tịch/Multiple nationalities ☐ Có/Yes ☐ Không/No ☐ Không quốc tịch/Stateless	Quốc tịch thứ hai/Second nationality Số/No: Nơi cấp/Place of issue: Ngày cấp/Date of issue: Ngày hết hạn/Expiration date:				Quốc tịch thứ ba/Third nationality Số/No: Nơi cấp/Place of issue: Ngày cấp/Date of issue: Ngày hết hạn/Expiration date:						
	Địa chỉ cư trú ở nước ngoài/Overseas residential address Số nhà/House number: Đường/Street: Phường/xã/Ward/Commune: Quận/Huyện/District: Tỉnh/TP/Province/City: Quốc gia/Country:				Địa chỉ cư trú ở nước ngoài/Overseas residential address Số nhà/House number: Đường/Street: Phường/xã/Ward/Commune: Quận/Huyện/District: Tỉnh/TP/Province/City: Quốc gia/Country:						

II. THÔNG TIN TÀI CHÍNH/FINANCIAL INFORMATION

1. Thông tin nghề nghiệp, thu nhập/Occupation and income information

Tên tổ chức nơi đang làm việc/Organization name:

Loại hình doanh nghiệp/Type of enterprise

- ☐ Công ty TNHH/Limited Liability Company ☐ Công ty hợp danh/Partnership
- ☐ Cơ quan hành chính, sự nghiệp/Administrative, public service agency
- ☐ Công ty Cổ phần/Joint-stock Company ☐ Khác/Other:

Lĩnh vực hoạt động/Industry:

- | | | |
|---|--|---|
| ☐ Công an, hành chính, sự nghiệp/Public security, administrative, public service | ☐ Điện tử/Electronics | ☐ Bảo hiểm/Insurance |
| ☐ Giáo dục/Education | ☐ Công nghệ thông tin/Information technology | ☐ Tài chính, Chứng khoán/Finance, securities |
| ☐ Y tế/Healthcare | ☐ Nghệ thuật/Arts | ☐ Ngân hàng/Banking |
| ☐ Nông nghiệp/Agriculture | ☐ Nhà hàng, Khách sạn/Restaurant, hotel | ☐ Bất động sản/Real estate |
| ☐ Sản xuất/Manufacturing | ☐ Vận tải kho bãi/Transportation, warehousing | ☐ Marketing, Tổ chức sự kiện/Marketing, event organization |
| ☐ Xây dựng/Construction | ☐ Du lịch, Tư vấn/Tourism, consulting | ☐ Khác/Other: |

Địa chỉ làm việc/Work address

Số nhà/House number:

Đường/Street:

Phường/xã/Ward/Commune:

Quận/Huyện/District:

Tỉnh/TP/Province/City:

Quốc gia/Country:

Phòng ban/Department:

Điện thoại công ty/Company phone number:

Chức vụ/Position:

Số máy lẻ/Extension number:

Thời gian công tác/Work duration:

..... năm/year(s) tháng/month(s)

Loại hợp đồng lao động/Type of employment contract

- ☐ Xác định thời hạn/Fixed-term ☐ Không xác định thời hạn/Indefinite-term ☐ Khác/Other:

Hình thức nhận thu nhập hàng tháng/Monthly income method:

- ☐ Tiền mặt/Cash ☐ Qua tài khoản OCB/Through OCB account
- ☐ Qua tài khoản ngân hàng khác/Through another bank account:

Mức lương, thu nhập thực lãnh hàng tháng/Monthly Salary and Actual Income:

(i) Lương/Salary: VND (ii) Phụ cấp/Allowances: VND

(iii) Thu nhập khác/Other income:

- ☐ Cho thuê Bất động sản/Real estate rental: VND
- ☐ Cho thuê Phương tiện vận tải/Vehicle rental: VND
- ☐ Thu nhập từ kinh doanh/Business income: VND
- ☐ Thu nhập từ nguồn khác/Income from other sources: VND

2. Chi phí sinh hoạt và cấp dưỡng hàng tháng/Monthly living expenses and dependents

Chi phí sinh hoạt/Living expenses: VND	Số người nuôi dưỡng/Number of dependents:
Chi phí cấp dưỡng/Dependent expenses: VND	Mối quan hệ/Relationship:

3. Thông tin quan hệ tín dụng tại các Tổ chức tín dụng khác/Credit relationship information at other financial institutions

Tiêu chí/Criteria	Tên Ngân hàng/ Bank Name	Hạn mức/ Credit limit (VND)	Thời hạn/ Term	Số tiền thanh toán hàng tháng/Monthly payment amount (VND)
Khoản vay/ Loan ☐ Có/Yes ☐ Không/No				
Thẻ Tín dụng/ Credit Card ☐ Có/Yes ☐ Không/No				

III. THÔNG TIN CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN KHÁCH HÀNG/ PERSONAL INFORMATION RELATED TO THE CUSTOMER

1. Thông tin người hôn phối (trường hợp đã kết hôn)/ Spouse information (if married)

Họ và tên/Full name :
Điện thoại di động/Mobile phone number:
Số giấy tờ tùy thân/Identification number:

2. Thông tin người tham chiếu/ liên hệ khẩn cấp/Reference/Emergency contact information

Mối quan hệ/Relationship: ☐ Đồng nghiệp/Colleague ☐ Bạn bè/Friend ☐ Người thân/Relative	Họ và tên/Full name: Giới tính/Gender : ☐ Nam/Male ☐ Nữ/Female Điện thoại di động/Mobile phone number:
---	--

B. ĐĂNG KÝ MỞ VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG, TÀI KHOẢN THANH TOÁN, THẺ GHI NỢ VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ/REGISTRATION FOR CREDIT CARD, PAYMENT ACCOUNT, DEBIT CARD OPENING, AND SERVICE REGISTRATION

I. MỞ VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG/CREDIT CARD OPENING AND USAGE (bắt buộc điền thông tin/required information)

1. Hạn mức tín dụng/Credit limit

Hạn mức tín dụng đề nghị/Proposed credit limit ² :..... triệu/million VND
--

² Hạn mức tín dụng đề nghị trên 400 triệu VND phải cung cấp thông tin bổ sung ở Phụ lục 01 của Giấy đề nghị này/A proposed credit limit exceeding 400 million VND requires additional information to be provided in Appendix 01 of this Application Form.

Hình thức bảo đảm/ <i>Security type</i> : ☐ Không có tài sản bảo đảm/ <i>Unsecured</i> ☐ Có tài sản bảo đảm/ <i>Secured</i>			
Loại tài sản bảo đảm/ <i>Type of security</i> : ☐ Thẻ tiết kiệm/ <i>Savings certificate</i> ☐ Khác/ <i>Other</i>			
Chi tiết tài sản bảo đảm/ <i>Security details</i> :			
2. Loại Thẻ tín dụng/<i>Credit Card Type</i>			
<i>Không cần điền hạn mức của từng loại thẻ nếu cùng hạn mức tín dụng đề nghị tại Mục 1 nêu trên/ Do not need to fill in the credit limit for each card type if it is the same as the proposed credit limit in Section 1 above.</i>			
Loại thẻ/ <i>Card Type</i>	Hạn mức thẻ tín dụng đề nghị/ <i>Proposed Credit Limit</i>		
	Thẻ chính/ <i>Primary Card</i>	Thẻ phụ 1/ <i>Supplementary Card 1</i>	Thẻ phụ 2/ <i>Supplementary Card 2</i>
☐ Mastercard World 2IN1			
☐ OCB iGEN Mastercard Platinum			
☐ BamBoo Airways Mastercard Platinum			
☐ Installment Mastercard Platinum			
☐ Doctor Mastercard Platinum			
☐ Mastercard Platinum			
☐ Mastercard Lifestyle			
☐ Mastercard Priority Banking			
☐ JCB Platinum			
☐ JCB Gold			
☐ Natural Credit			
☐ Khác/ <i>Other</i> :			
Tài khoản thanh toán (TKTT) liên kết với thẻ đa năng (Tích hợp Thẻ tín dụng và ghi nợ)/ <i>Current Account linked with Multi-functional Card (Integrated Credit and Debit Card)</i> ☐ Đã có TKTT tại OCB, đề nghị OCB liên kết Thẻ của Tôi với TKTT số/ <i>I already have a current account at OCB. Please link my Card to the following account number:.....</i> ☐ Chưa có TKTT, đề nghị OCB mở TKTT cho Tôi theo thông tin tại mục II. và liên kết thẻ của Tôi với TKTT này/ <i>I do not have a current account. Please open a current account for me based on the information provided in Section II and link my Card to this account.</i>			
3. Thông tin đăng ký thẻ phụ/<i>Supplementary Card Information Registration</i> <i>(Trường hợp Quý khách đăng ký phát hành thẻ phụ, vui lòng điền thông tin tại mục Thẻ phụ thứ nhất, Thẻ phụ thứ hai/If you are applying for a supplementary card, please fill in the information for the first supplementary card, second supplementary card)</i>			
☐ Thẻ phụ thứ nhất/ <i>First Supplementary Card</i>			
Họ và tên/ <i>Full name</i> :			

Ngày sinh/ <i>Date of birth</i> (dd/mm/yyyy):.../.../.....										Giới tính/ <i>Gender</i> : ☐ Nam/ <i>Male</i> ☐ Nữ/ <i>Female</i>									
Quốc tịch/ <i>Nationality</i> : ☐ Việt Nam/ <i>Vietnam</i> ☐ Hoa Kỳ/ <i>United States</i> ☐ Khác/ <i>Other</i> :																			
Tên in trên thẻ/ <i>Name on the card</i>																			
		Tên in trên thẻ theo GTTT. Nếu họ và tên trên GTTT vượt quá 21 ký tự (kể cả khoảng trắng), OCB sẽ viết tắt từng chữ lót từ trái qua phải tương ứng với Họ và tên đầy đủ trên GTTT/ <i>Name on the card as per ID. If the full name on the ID exceeds 21 characters (including spaces), OCB will abbreviate each middle name from left to right corresponding to the full name on the ID.</i>																	
Giấy tờ tùy thân/ <i>Identification Document</i>																			
Số/ <i>Number</i> :										Cấp bởi/ <i>Issued by</i> :									
Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> :										Ngày hết hạn/ <i>Expiration date</i> :									
Thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ tương đương/ <i>Visa or equivalent document</i> ³																			
Số/ <i>Number</i> :										Cấp bởi/ <i>Issued by</i> :									
Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> :										Ngày hết hạn/ <i>Expiration date</i> :									
Thời hạn cư trú tại còn lại Việt Nam/ <i>Remaining residency period in Vietnam</i> ³tháng/ <i>months</i>										Nơi sinh/ <i>Place of birth</i> :									
Số điện thoại di động/ <i>Mobile phone number</i> :																			
E-mail:																			
Địa chỉ thường trú/ <i>Permanent add.</i>										Địa chỉ nơi ở hiện tại/ <i>Current residence add.</i>									
Số nhà/ <i>House number</i> :										Số nhà/ <i>House number</i> :									
Đường/ <i>Street</i> :										Đường/ <i>Street</i> :									
Phường/xã/ <i>Ward/Commune</i> :										Phường/xã/ <i>Ward/Commune</i> :									
Quận/Huyện/ <i>District</i> :										Quận/Huyện/ <i>District</i> :									
Tỉnh/TP/ <i>Province/City</i> :										Tỉnh/TP/ <i>Province/City</i> :									
Quốc gia/ <i>Country</i> :										Quốc gia/ <i>Country</i> :									
☐ Thẻ phụ thứ hai/ <i>Second Supplementary Card</i> ⁴																			
Họ và tên/ <i>Full name</i> :																			
Ngày sinh/ <i>Date of birth</i> (dd/mm/yyyy):.../.../.....										Giới tính/ <i>Gender</i> : ☐ Nam/ <i>Male</i> ☐ Nữ/ <i>Female</i>									
Quốc tịch/ <i>Nationality</i> : ☐ Việt Nam/ <i>Vietnam</i> ☐ Hoa Kỳ/ <i>United States</i> ☐ Khác/ <i>Other</i> :																			

³ Chỉ áp dụng đối với KH có quốc tịch nước ngoài/ *Applicable only to customers with foreign nationality*

⁴ Thông tin khai báo tương tự Thẻ phụ thứ nhất/ *Declared information same as First Supplementary Card*
SP_MB02_25

Tên in trên thẻ/Name on the card	Tên in trên thẻ theo GTTT. Nếu họ và tên trên GTTT vượt quá 21 ký tự (kể cả khoảng trắng), OCB sẽ viết tắt từng chữ lót từ trái qua phải tương ứng với Họ và tên đầy đủ trên GTTT/Name on the card as per ID. If the full name on the ID exceeds 21 characters (including spaces), OCB will abbreviate each middle name from left to right corresponding to the full name on the ID.	
Giấy tờ tùy thân/ Identification Document		
Số/Number:	Cấp bởi/Issued by:	
Ngày cấp/Date of issue:.....	Ngày hết hạn/Expiration date:.....	
Thị thực nhập cảnh hoặc giấy tờ tương đương/Visa or equivalent document		
Số/Number:	Cấp bởi/Issued by:	
Ngày cấp/Date of issue:.....	Ngày hết hạn/Expiration date:.....	
Thời hạn cư trú tại còn lại Việt Nam/Remaining residency period in Vietnam	tháng/months	Nơi sinh/Place of birth:
Số điện thoại di động/Mobile phone number:		
E-mail:.....		
Địa chỉ thường trú/Permanent add.	Địa chỉ nơi ở hiện tại/Current residence add.	
Số nhà/House number:	Số nhà/House number:	
Đường/Street:	Đường/Street:	
Phường/xã/Ward/Commune:	Phường/xã/Ward/Commune:.....	
Quận/Huyện/District:	Quận/Huyện/District:	
Tỉnh/TP/Province/City:	Tỉnh/TP/Province/City:	
Quốc gia/Country:.....	Quốc gia/Country:.....	
4. Mục đích sử dụng thẻ tín dụng/Purpose of credit card usage		
☒ Tôi/Chúng tôi đề nghị OCB cấp Thẻ tín dụng cho mục đích phục vụ nhu cầu đời sống/ I/We request OCB to issue a Credit Card for personal living purposes		
5. Đăng ký dịch vụ giao Thẻ tín dụng / PIN/Credit Card / PIN delivery service registration (bắt buộc/mandatory)		
5.1. Tôi/Chúng tôi chấp thuận và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến cách thức chuyển giao Thẻ của OCB cho Tôi/Chúng tôi theo địa chỉ do Tôi/Chúng tôi chỉ định như sau/I/We accept and shall not raise any complaint regarding the method of Card delivery by OCB to the address designated by me/us as follows: ☐ Nơi thường trú Permanent Address ☐ Nơi ở hiện tại Current Address ☐ Nơi làm việc Workplace		
5.2. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng OCB mặc định tính năng Đặt ePIN (tạo và thay đổi PIN điện tử) trên ứng dụng OCB OMNI cho tất cả Thẻ tín dụng và Thẻ ghi nợ của Tôi/Chúng tôi, bao gồm Thẻ chính và Thẻ phụ (nếu có đăng ký phát hành Thẻ phụ)/I/We agree that OCB will default to enabling the Set ePIN feature (create and change electronic PIN) on the OCB OMNI application for all of my/our Credit Cards and Debit Cards, including the Main Card and Supplementary Cards (if supplementary cards are registered).		

6. Đăng ký dịch vụ nhận Bảng Thông báo giao dịch Thẻ tín dụng (BTBGD)/ Credit Card Statement service registration

Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng OCB mặc định gửi BTBGD miễn phí qua ứng dụng/website OCB OMNI và email **Tôi/Chúng tôi** đã cung cấp tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này/*I/We agree that OCB will default to sending the Credit Card Statement (BTBGD) free of charge via the OCB OMNI application/website and to the email I/We provided in this Application and Agreement.*

7. Đăng ký dịch vụ thanh toán trích nợ tự động Thẻ tín dụng/Credit Card automatic debit payment service registration

Tôi/Chúng tôi đề nghị OCB thực hiện thanh toán tự động các khoản nợ trên Thẻ tín dụng của **Tôi/Chúng tôi** bằng cách ghi nợ vào Tài khoản của **Tôi/Chúng tôi** tại OCB như sau/*I/We request OCB to automatically pay the outstanding balances on my/our Credit Card by debiting from my/our account at OCB as follows:*

- ☐ Số tiền thanh toán tối thiểu trên BTBGD/*Minimum payment amount on the Credit Card Statement*
- ☐ Thanh toán toàn bộ dư nợ/*Full balance payment*

Tài khoản trích nợ tự động/Automatic debit account

- ☐ Số tài khoản/*Account number*
- ☐ Số tài khoản **Tôi/Chúng tôi** đăng ký mở tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này/*The account number I/We registered to open in this Application and Agreement.*

Bằng việc đăng ký này, nếu ghi nợ tự động không thể thực hiện được do Tài khoản chỉ định của **Tôi/Chúng tôi** không đủ số dư vào thời điểm OCB thực hiện ghi nợ tự động, **Tôi/Chúng tôi** đồng ý rằng chỉ định ghi nợ tự động của kỳ thanh toán đó sẽ vô hiệu và **Tôi/Chúng tôi** vẫn có trách nhiệm thanh toán Thẻ tín dụng vào ngày đề nghị thanh toán bằng mọi hình thức khác/*By registering this service, if the automatic debit cannot be executed due to insufficient funds in my/our designated account at the time OCB performs the automatic debit, I/We agree that the automatic debit instruction for that payment period will be nullified, and I/We remain responsible for making the Credit Card payment by the payment due date using other available methods.*

8. Xác thực giao dịch Thẻ trực tuyến Quốc tế/International Online Credit Card Transaction Authentication (3D Secure)

Tôi/Chúng tôi đồng ý sử dụng thông tin số điện thoại di động và/hoặc email do **Tôi/Chúng tôi** cung cấp trong Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này để đăng ký sử dụng Dịch vụ Xác thực giao dịch Thẻ quốc tế 3D Secure theo phương thức xác thực OTP SMS/ Email/*I/We agree to use the mobile phone number and/or email information provided in this Application and Agreement to register for the International Credit Card Transaction Authentication Service (3D Secure) using the OTP SMS/Email authentication method.*

Tôi/Chúng tôi chấp thuận việc chấm dứt/ thay đổi dịch vụ sẽ do OCB quyết định hoặc theo quy định của pháp luật/*I/We agree that the termination/modification of the service will be determined by OCB or in accordance with legal regulations.*

9. Kích hoạt thẻ tự động/ Automatic Card Activation

Đối với thẻ tín dụng OCB iGen Mastercard Platinum, Tôi đề nghị và đồng thuận OCB thực hiện tự động kích hoạt Thẻ tín dụng của Tôi sau khi OCB phát hành thẻ. Tôi cam kết miễn trừ cho OCB mọi trách nhiệm liên quan theo đề nghị này/*For the OCB iGen Mastercard Platinum Credit Card, I request and agree that OCB shall automatically activate my Credit Card after issuance. I undertake to release OCB from any liabilities arising in connection with this request.*

II. ĐỀ NGHỊ TĂNG HẠN MỨC THẺ TÍN DỤNG HIỆN HỮU/REQUEST TO INCREASE EXISTING CREDIT CARD LIMIT

- ☐ Tất cả các thẻ tín dụng/All credit cards (Bao gồm thẻ phụ/ Including supplementary cards) Hạn mức/Limit:..... triệu/million VND
- ☐ Tất cả thẻ chính/All primary cards Hạn mức/Limit:..... triệu/million VND
- ☐ Tất cả thẻ phụ/All supplementary cards Hạn mức/Limit:..... triệu/million VND
- ☐ Chỉ thay đổi hạn mức của (các) thẻ tín dụng sau/Only change the limit of the following credit cards (chỉ cung cấp 04 số cuối của thẻ/only provide the last 04 digits of the card):
- Thẻ/Card:..... Hạn mức/Limit:triệu/million VND
- Thẻ/Card:..... Hạn mức/Limit:triệu/million VND
- Thẻ/Card:..... Hạn mức/Limit:triệu/million VND
- Thẻ/Card:..... Hạn mức/Limit:triệu/million VND
- Thẻ/Card:..... Hạn mức/Limit:triệu/million VND

III. MỞ TÀI KHOẢN THANH TOÁN VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ/OPENING A CURRENT ACCOUNT AND ELECTRONIC BANKING SERVICES ^[2]

(Chỉ áp dụng trong trường hợp Khách hàng chưa có Tài khoản thanh toán tại OCB/Applicable only if the Customer does not have a Current Account at OCB)

Tôi/Chúng tôi đề nghị OCB cung cấp Tài khoản thanh toán cho **Tôi/Chúng tôi** và đồng ý rằng OCB sẽ mặc định cung cấp cho **Tôi/Chúng tôi** các sản phẩm, dịch vụ sau/ I/We request OCB to provide a Current Account for me/us and agree that OCB will by default provide the following products and services:

☐ Gói TK Speed-up	☐ Gói TK OCB Invest	☐ Gói TK Invest-Pro	☐ Khác/Other
- TKTT/Current Account	- TKTT/Current Account	- TKTT/Current Account	-
- OCB OMNI Vàng	- OCB OMNI Invest	- OCB OMNI Invest-Pro	-
- OCB SMS	- OCB SMS	- OCB SMS	-

Quý khách vui lòng chọn phương thức xác thực OCB OMNI/ Please select the OCB OMNI authentication method

☐ SMS OTP

☐ Soft Token (OCB iOTP)

Số điện thoại di động nhận mã kích hoạt OCB iOTP/ SMS OTP/Mobile number to receive OCB iOTP/ SMS OTP activation code:

Số điện thoại đăng ký dịch vụ tại ngân hàng là thông tin quan trọng, các chỉ thị giao dịch trên tài khoản của Quý khách sẽ được thực hiện thông qua số điện thoại/phương thức xác thực đăng ký tại OCB. Mật khẩu sẽ gửi qua tin nhắn SMS theo số điện thoại Quý khách đăng ký/The mobile number registered for banking services is important; all transaction instructions on your account will be processed through the phone number/authentication method registered at OCB. The password will be sent via SMS to the registered phone number.

Địa chỉ email nhận user đăng nhập OCB OMNI/Email address to receive OCB OMNI login details: theo địa chỉ email tại mục A.I/as per the email address in section A.I.

☐ Đăng ký SMS Banking qua số điện thoại di động/Register for SMS Banking via mobile number: theo số điện thoại di động tại mục A.I/as per the mobile number in section A.I.

☐ Đăng ký Thông báo thay đổi số dư TKTT qua Email/Register for Balance Change Notification via Email: theo địa chỉ email tại mục A.I/as per the email address in section A.I.

☐ Yêu cầu khác/Other requests:

[2] **Tôi/Chúng tôi** đã đọc và đồng ý với Bộ điều kiện và điều khoản sử dụng OCB OMNI và Phương thức xác thực OCB iOTP (nếu có đăng ký) được đăng tải trên website của OCB/I/We have read and agree to the Terms and Conditions for using OCB OMNI and the OCB iOTP Authentication Method (if registered), as published on the OCB website.

IV. ĐĂNG KÝ MỞ VÀ SỬ DỤNG THẺ GHI NỢ/REGISTRATION FOR OPENING AND USING DEBIT CARD

Cùng với việc mở tài khoản này, nếu **Tôi/Chúng tôi** đủ điều kiện theo quy định pháp luật Việt Nam và quy định OCB hiện hành, **Tôi/Chúng tôi** đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ ghi nợ OCB như sau/Along with opening this account, if I/We meet the eligibility criteria as per Vietnamese law and current OCB regulations, I/We request the Bank to issue an OCB debit card as follows:

Loại thẻ/Type of card	☐ Thẻ ghi nợ quốc tế OCB JCB/OCB JCB International Debit Card (*) ☐ Thẻ ghi nợ quốc tế OCB MasterCard Passport/OCB MasterCard Passport International Debit Card ☐ Thẻ ghi nợ nội địa Natural/Natural Domestic Debit Card ☐ Khác/Other: (*) Trong trường hợp không chọn nội dung nào nêu trên, Quý khách đồng ý rằng thẻ phát hành được mặc định là thẻ ghi nợ quốc tế OCB JCB/If no option is selected above, you agree that the default issued card will be the OCB JCB International Debit Card.
Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ/Current Account linked to the card	☐ TK Tôi/Chúng tôi đăng ký mở tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này/The current account I/We register to open in this Application cum Contract. ☐ TK khác/Other current account:
Địa chỉ nhận thẻ/Card delivery address	Tôi/Chúng tôi chấp thuận và không có bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến cách thức chuyển giao Thẻ của OCB cho Tôi/Chúng tôi theo địa chỉ cùng với địa chỉ nhận thẻ tín dụng/I/We accept and have no complaints regarding the method of card delivery by OCB to me/us at the same address as the credit card delivery address.

Số điện thoại xác thực mua hàng trên Internet (Ecom) mặc định là số điện thoại Quý khách đăng ký nhận mã kích hoạt OCB iOTP/ SMS OTP tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này/The phone number used for E-commerce purchase authentication is the phone number you registered to receive the OCB iOTP/ SMS OTP activation code in this Application cum Contract.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG LIÊN QUAN ĐẾN TUÂN THỦ FATCA/ADDITIONAL INFORMATION RELATED TO FATCA COMPLIANCE (bắt buộc kê khai nếu Quý khách chưa có Tài khoản thanh toán tại OCB hoặc Quý khách có thay đổi thông tin liên quan đến tuân thủ FATCA/required to declare if you do not have a current account at OCB or if there is any change in information related to FATCA compliance)

Quý khách vui lòng đánh dấu ✓ vào ô ☐ phù hợp/ Please check ✓ the appropriate box ☐

ST T No.	Dấu hiệu Hoa Kỳ/U.S. Indicator	Khách hàng Customer		Người giám hộ/ Đại diện theo pháp luật Guardian/ Legal Representative	
		Có/Yes	Không/No	Có/Yes	Không/No
1.	Chủ thẻ Hoa Kỳ (*) có thẻ xanh tại Hoa Kỳ/U.S. Person (*) with a valid Green Card	☐	☐	☐	☐
2.	Chủ thẻ Hoa Kỳ (*) thỏa điều kiện “Người nước ngoài cư trú” của Hoa Kỳ/U.S. Person	☐	☐	☐	☐

ST T No.	Dấu hiệu Hoa Kỳ/U.S. Indicator	Khách hàng Customer		Người giám hộ/ Đại diện theo pháp luật Guardian/ Legal Representative	
		Có/Yes	Không/N o	Có/Yes	Không/N o
	(*) who qualifies as a "Resident Alien" under U.S. law				
3.	Có địa chỉ cư trú hoặc địa chỉ liên lạc tại Hoa Kỳ (bao gồm địa chỉ hòm thư)/Has a U.S. residential or mailing address (including P.O. box)	☐	☐	☐	☐
4.	Số điện thoại tại Hoa Kỳ/Has a U.S. phone number	☐	☐	☐	☐
5.	Địa chỉ "nhờ chuyển thư" hay địa chỉ "giữ hộ thư" tại Hoa Kỳ/ Has a "care of" or "hold mail" address in the U.S	☐	☐	☐	☐
6.	Lệnh chuyển khoản thường xuyên vào tài khoản tại Hoa Kỳ/Has a standing order to transfer funds to a U.S. account	☐	☐	☐	☐
7.	Giấy ủy quyền cho một chủ thể có địa chỉ tại Hoa Kỳ/ Has a power of attorney or signatory authority granted to a person with a U.S. address	☐	☐	☐	☐

Quý khách là chủ thể Hoa Kỳ, vui lòng cung cấp bổ sung mẫu W9 bao gồm mã TIN/If you are a U.S. Person, please provide a completed W9 form, including TIN:

- ☐ Cung cấp/Provided
☐ Không thể cung cấp/Unable to provide

Lý do/Reason:.....

Bằng việc xác nhận thông tin này, Quý khách hiểu rằng có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến tuân thủ FATCA, việc không cung cấp mẫu W9 bao gồm mã TIN dẫn đến khách hàng không tuân thủ FATCA và có thể bị Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ phạt do việc không tuân thủ này/By confirming this information, you understand that you are responsible for providing information related to FATCA compliance, and failure to provide the W9 form, including the TIN, may result in non-compliance with FATCA and potential penalties by the U.S. Internal Revenue Service (IRS) for non-compliance.

"Chủ thể Hoa Kỳ" (*) có nghĩa là công dân Hoa Kỳ; cá nhân được cấp một thẻ xanh còn hiệu lực; hoặc một "Người nước ngoài cư trú" (định nghĩa đầy đủ của "Người nước ngoài cư trú" được quy định chi tiết trên trang thông tin điện tử của Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ (Internal Revenue Service, viết tắt là IRS) <http://www.irs.gov/taxtopics/tc851.html> / "U.S. Person" (*) means a U.S. citizen; an individual who has been granted a valid Green Card; or a "Resident Alien" (the full definition of "Resident Alien" is detailed on the U.S. Internal Revenue Service (IRS) website at <http://www.irs.gov/taxtopics/tc851.html>)

C. XÁC NHẬN VÀ CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG/CUSTOMER CONFIRMATION AND COMMITMENT

- Tôi/Chúng tôi** cam kết chịu trách nhiệm và đồng ý việc sử dụng Thẻ tín dụng theo cơ chế sử dụng chung Hạn mức tín dụng cấp cho Chủ Thẻ tín dụng cá nhân đối với (các) Thẻ được cấp theo yêu cầu tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này và (các) Thẻ hiện hữu của Tôi/Chúng tôi//We commit to be responsible for and agree to use the Credit Card under the shared Credit Limit mechanism

granted to the Personal Credit Cardholder for the Card(s) issued as requested in this Application cum Contract and my/our existing Card(s).

- **Tôi/Chúng tôi** cam kết có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không bị Tòa án tuyên bố bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi tại thời điểm ký kết Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này//*We confirm that I/We have full civil act capacity and have not been declared by the Court as lacking or having limited civil act capacity, with difficulties in perception or behavior control at the time of signing this Application cum Contract.*
- **Tôi/Chúng tôi** hiểu rằng việc điền đầy đủ các thông tin trên Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này không đồng nghĩa với việc OCB chấp thuận cấp hạn mức, phát hành thẻ và/hoặc cung cấp các dịch vụ liên quan đến Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này và OCB không có trách nhiệm trả lại bất kỳ hồ sơ nào cho **Tôi/Chúng tôi**//*We understand that completing this Application cum Contract does not imply that OCB approves the credit limit, issues the card, and/or provides the related services as requested in this Application cum Contract, and OCB is not obliged to return any documents to me/us.*
- Trường hợp không thỏa điều kiện để cấp Hạn mức tín dụng và/hoặc phát hành loại Thẻ tín dụng như yêu cầu của **Tôi/Chúng tôi** tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này, **Tôi/Chúng tôi** đồng ý với Hạn mức tín dụng được cấp và/hoặc loại thẻ do OCB quyết định phát hành//*In the event that I/We do not meet the conditions for granting the credit limit and/or issuing the type of Credit Card as requested in this Application cum Contract, I/We agree with the credit limit granted and/or the type of card issued as decided by OCB.*
- **Tôi/Chúng tôi** xác nhận rằng các chi tiết thông tin được **Tôi/Chúng tôi** cung cấp nêu trên và tài liệu cung cấp cho OCB là đúng sự thật, hợp pháp, chính xác và cập nhật. OCB có toàn quyền xác minh/ thẩm định các thông tin liên quan và yêu cầu **Tôi/Chúng tôi** cung cấp bổ sung hồ sơ/thông tin theo quy định của OCB//*We confirm that the details provided above and the documents provided to OCB are truthful, legal, accurate, and up-to-date. OCB reserves the right to verify/appraise the relevant information and request additional documents/information as per OCB's regulations.*
- Trên cơ sở hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, không phụ thuộc vào kết quả phê duyệt đồng ý hoặc từ chối cấp thẻ, tài khoản thanh toán và các dịch vụ kèm theo, **Tôi/Chúng tôi** hoàn toàn tự nguyện, hiểu rõ và đồng ý cho phép OCB thực hiện việc xử lý các dữ liệu cá nhân mà **Tôi/Chúng tôi** đã cung cấp cho các mục đích và các điều khoản và điều kiện mà OCB đã quy định cụ thể trong Thông báo xử lý dữ liệu cá nhân được đăng tải tại địa <https://ocb.com.vn/vi/tin-tuc-su-kien/tin-tuc/chinh-sach-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-danh-cho-khach-hang> (có thể truy cập bằng cách quét mã QR dưới đây) và được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm, bao gồm, nhưng không giới hạn bởi//*On the basis of fully understanding my/our rights and obligations under the law, regardless of the outcome of approval or rejection for card issuance, payment account, and accompanying services, I/We voluntarily, fully understand, and agree to allow OCB to process the personal data I/We have provided for the purposes and terms and conditions as specified by OCB in the Personal Data Processing Notice, published at https://ocb.com.vn/vi/tin-tuc-su-kien/tin-tuc/chinh-sach-bao-ve-du-lieu-ca-nhan-danh-cho-khach-hang (accessible by scanning the QR code below), and amended from time to time, including but not limited to:*



- ☑ Cho phép OCB được sử dụng, xử lý thông tin về giao dịch, thông tin về việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của **Tôi/Chúng tôi** (bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và

dữ liệu cá nhân nhạy cảm) tại Bên thứ ba⁵ do Bên thứ ba hoặc bên bất kỳ cung cấp/*Allow OCB to use and process information about transactions, information about my/our use of products and services (including basic personal data and sensitive personal data) with a Third Party provided by the Third Party or any other party.*

- ☒ Ủy quyền cho OCB thay mặt **Tôi/Chúng tôi** thực hiện các thủ tục liên quan tới xử lý dữ liệu cá nhân của **Tôi/Chúng tôi** với các bên có liên quan (bao gồm cả Bên thứ ba nêu trên) mà OCB đánh giá là cần thiết để phục vụ cho việc xem xét, thẩm định, cấp hạn mức thẻ; và để OCB thu hồi khoản vay này. Thời hạn ủy quyền cho đến khi **Tôi/Chúng tôi** có văn bản xác nhận khác (không bị giới hạn ủy quyền 01 năm theo quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành)/*Authorize OCB to act on my/our behalf in handling procedures related to the processing of my/our personal data with the relevant parties (including the aforementioned Third Party) that OCB deems necessary for the purpose of reviewing, appraising, and granting the card limit; and for OCB to recover this loan. The authorization period lasts until I/We provide a different written confirmation (not limited by the one-year authorization according to the current Civil Code).*
- ☒ Khi được Bên thứ ba hoặc bên bất kỳ cung cấp thông tin của **Tôi/Chúng tôi**, OCB được xem như việc cung cấp này đã phù hợp với thỏa thuận giữa Bên thứ ba và **Tôi/Chúng tôi**. OCB không có nghĩa vụ phải xác minh thẩm quyền cung cấp thông tin nêu trên của Bên thứ ba/bên bất kỳ/*When information about me/us is provided by the Third Party or any other party, OCB is considered as having received this provision in accordance with the agreement between the Third Party and me/us. OCB has no obligation to verify the authority of the above information provision by the Third Party/any other party.*
- ☒ Để OCB có quyền quyết định cung cấp thông tin giao dịch Thẻ cho Bên thứ ba, xử lý, cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động Thẻ (như dịch vụ in và gửi Sao kê hoặc các dịch vụ khác do OCB lựa chọn không trái quy định của pháp luật Việt Nam) hoặc Bên thứ ba hợp tác với OCB trong việc mở rộng và gia tăng thêm giá trị sử dụng Thẻ cho **Tôi/Chúng tôi** hoặc cơ quan công an, Ngân hàng Nhà nước để điều tra về giao dịch theo quy định của Pháp luật Việt Nam/*Allow OCB the right to decide to provide transaction information to a Third Party, process, and provide card operation support services (such as statement printing and mailing services or other services selected by OCB not contrary to the laws of Vietnam) or a Third Party cooperating with OCB in expanding and enhancing card usage value for me/us or to police authorities, the State Bank to investigate transactions as per the laws of Vietnam.*
- ☒ Đồng ý và cho phép OCB cung cấp thông tin liên quan đến **Tôi/Chúng tôi** và Giấy đề nghị này cho Bên thứ ba để OCB thực hiện các hoạt động thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ; để Bên thứ ba thực hiện kiểm toán, tư vấn, thông tin tín dụng mà không cần thông báo cho **Tôi/Chúng tôi** về việc này. Để làm rõ, **Tôi/Chúng tôi** đồng ý rằng Bên thứ ba tiếp nhận thông tin của **Tôi/Chúng tôi** và Giấy đề nghị này để OCB thực hiện các hoạt động thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ và được phép cung cấp thông tin này cho bất kỳ cá nhân, tổ chức để thực hiện các hoạt động liên quan/*Agree and allow OCB to provide information related to me/us and this Application to a Third Party for OCB to perform debt recovery, debt trading, debt settlement; for the Third Party to conduct audits, consultancy, credit information without*

⁵ Bên thứ ba bao gồm và không giới hạn các cá nhân, tổ chức theo danh sách được đăng tải tại địa chỉ/*Third parties include but are not limited to individuals and organizations listed on the website at <https://www.ocb.com.vn/vi/tin-tuc-su-kien/tin-tuc/danh-sach-ben-thu-3-hop-tac-voi-ocb-ve-xu-ly-du-lieu-cac-nhan> (có thể truy cập bằng cách quét mã QR bên cạnh/accessible by scanning the QR code next to this text)*



notifying me/us of this. For clarity, I/We agree that the Third Party receiving my/our information and this Application for OCB to conduct debt recovery, debt trading, debt settlement, and is permitted to provide this information to any individual or organization to perform related activities.

- ☑ Đồng ý và cho phép OCB cung cấp thông tin liên quan đến **Tôi/Chúng tôi** và Giấy đề nghị này cho Bên thứ ba là các cá nhân, tổ chức có chức năng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động cung cấp, giới thiệu, hỗ trợ cho Chủ thẻ về các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của OCB mà không cần thông báo cho **Tôi/Chúng tôi** về việc này/*Agree and allow OCB to provide information related to me/us and this Application to Third Parties who are individuals or organizations with functions for the purpose of implementing activities to provide, introduce, support the Cardholder on information related to OCB's products and services without notifying me/us of this.*
- ☑ Trong trường hợp phát hành Thẻ tín dụng liên kết, **Tôi/Chúng tôi** đồng ý cho OCB cung cấp thông tin của **Tôi/Chúng tôi** (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thông tin cá nhân, thông tin phát hành Thẻ, thông tin Giao dịch thẻ của **Tôi/Chúng tôi** ...) cho Đối tác để phục vụ cho việc cung cấp giá trị gia tăng cho Chủ thẻ trong chương trình của Đối tác/*In the case of issuing a linked Credit Card, I/We agree for OCB to provide my/our information (including but not limited to personal information, card issuance information, my/our card transaction information, etc.) to the Partner to serve the purpose of providing additional value to the Cardholder in the Partner's program.*
- ☑ **Tôi/Chúng tôi** xác nhận và đồng ý để OCB: Thu thập, sử dụng, cung cấp cho Bên thứ ba tất cả các thông tin liên quan đến **Tôi/Chúng tôi** nhằm mục đích (i) cung cấp, tra cứu và sử dụng các thông tin từ Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các công ty thông tin tín dụng; (ii) phục vụ công tác đánh giá, phân tích, kiểm soát rủi ro; (iii) cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (iv) xử lý dữ liệu để phục vụ việc chấm điểm, xác thực, thẩm định để ra quyết định phê duyệt, thu hồi nợ của OCB và (v) các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật/*I/We confirm and agree to allow OCB to: Collect, use, provide to Third Parties all information related to me/us for the purpose of (i) providing, querying, and using information from the Vietnam National Credit Information Center and credit information companies; (ii) serving the assessment, analysis, risk control work; (iii) providing information as required by competent state agencies; (iv) processing data to serve scoring, verification, appraisal for approval, debt recovery decisions by OCB; and (v) other purposes not contrary to the laws.*
- ☑ **Tôi/Chúng tôi** xác nhận rằng: bằng việc cung cấp Dữ liệu cá nhân của Người Liên Quan/người thứ ba khác cho OCB, **Tôi/Chúng tôi** cam đảm và bảo đảm với OCB rằng **Tôi/Chúng tôi** đã có được sự đồng ý và sự ủy quyền hợp pháp của Người Liên Quan/người thứ ba khác cho việc Xử lý dữ liệu cá nhân theo Thông báo Xử lý dữ liệu cá nhân/*I/We confirm that by providing Personal Data of Related Persons/third parties to OCB, I/We guarantee and assure OCB that I/We have obtained the consent and legal authorization of the Related Persons/third parties for the processing of personal data according to the Personal Data Processing Notice.*
- **Tôi/Chúng tôi** cam kết sử dụng Tài Khoản, Thẻ cho mục đích đã nêu và OCB có quyền ngừng cung cấp dịch vụ ngân hàng cho **Tôi/Chúng tôi** nếu OCB nhận thấy Tài Khoản, Thẻ của **Tôi/Chúng tôi** đã được sử dụng cho mục đích kinh doanh hoặc mục đích khác với mục đích đã nêu hoặc mục đích không được phép thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, của OCB hay các hiệp ước, cam kết quốc tế mà OCB phải tuân thủ/*I/We commit to use the Account, Card for the stated purpose, and OCB has the right to terminate providing banking services to me/us if OCB finds that my/our Account, Card has been used for business purposes or other purposes*

than stated or purposes not allowed under current law, OCB regulations, or treaties, international agreements that OCB must comply with.

- **Tôi/Chúng tôi** cam kết trong trường hợp có bất kỳ sự kiện thay đổi làm các thông tin liên quan đến mục đích tuân thủ FATCA không còn chính xác, hoặc phát sinh bất kỳ thay đổi nào so với các thông tin **Tôi/Chúng tôi** đã cung cấp cho OCB tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này và các thỏa thuận, văn bản khác, **Tôi/Chúng tôi** sẽ thông báo cho OCB trong vòng 30 ngày và cung cấp các thông tin và chứng từ mới thay thế trong vòng 90 ngày kể từ khi có sự thay đổi. **Tôi/Chúng tôi** đồng ý rằng OCB hoàn toàn không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, thiệt hại, yêu cầu bồi thường hoặc rủi ro phát sinh do Tôi/Chúng tôi không thông báo những thay đổi nói trên//*I/We commit that in case of any event causing changes that make the information related to FATCA compliance no longer accurate, or any changes arise from the information I/We have provided to OCB in this Application cum Contract and other agreements, documents, I/We will notify OCB within 30 days and provide the new substitute information and documents within 90 days from the date of the change. I/We agree that OCB is not responsible for any claims, lawsuits, damages, compensation requests, or risks arising from my/our failure to notify the above changes.*
- **Tôi/Chúng tôi** đồng ý tuân thủ các quy định của Đạo luật Tuân thủ Thuế đối với Tài khoản Hoa Kỳ ở nước ngoài (Foreign Account Tax Compliance Act, viết tắt là FATCA) khi **Tôi/Chúng tôi** mở một tài khoản tại OCB. **Tôi/Chúng tôi** đồng ý rằng OCB được quyền thực hiện mọi thủ tục cần thiết để tuân thủ với những yêu cầu của FATCA, bao gồm nghĩa vụ báo cáo thông tin liên quan đến tài khoản của **Tôi/Chúng tôi** theo quy định Đạo luật FATCA cho Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ, trên cơ sở được sự cho phép của Chính phủ Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu **Tôi/Chúng tôi** không tuân thủ với những yêu cầu của FATCA nêu trên hoặc OCB có nghĩa vụ phải tuân thủ với quy định của Pháp luật, **Tôi/Chúng tôi** đồng ý rằng OCB (hoặc bất kỳ Công ty có liên quan hoặc Bên thứ ba cung cấp dịch vụ cho OCB) có thể khấu trừ thuế trên bất kỳ khoản thanh toán thuộc phạm vi khấu trừ đến tài khoản của **Tôi/Chúng tôi** theo quy định FATCA//*I/We agree to comply with the regulations of the Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) when I/We open an account at OCB. I/We agree that OCB is authorized to perform all necessary procedures to comply with FATCA requirements, including the obligation to report information related to my/our account in accordance with FATCA requirements to the U.S. Internal Revenue Service, based on the permission of the Vietnamese Government and competent state agencies. If I/We do not comply with the above FATCA requirements or OCB is obligated to comply with the law, I/We agree that OCB (or any related company or Third Party service provider for OCB) may withhold tax on any withholding payments to my/our account under FATCA requirements.*
- **Tôi/Chúng tôi** xác nhận và đồng ý rằng tất cả các chứng cứ liên quan đến Thỏa thuận hay dẫn chiếu đến nó như một phụ lục, điều chỉnh, ghi âm, lời thoại, thư điện tử, băng ghi âm (bao gồm các thông báo điện tử, tin nhắn thoại được ghi âm) sẽ là một phần đính kèm của Giấy đăng ký kèm Hợp đồng này//*I/We confirm and agree that all evidence relating to the Agreement or referring to it as an appendix, amendment, recording, dialogue, email, recording tape (including electronic notices, voice messages recorded) shall constitute an integral part of this Application cum Contract.*
- **Tôi/Chúng tôi** đồng ý nhận các thông tin, thông báo, hướng dẫn, quảng cáo liên quan đến sản phẩm từ OCB theo thông tin cá nhân của **Tôi/Chúng tôi** đã đăng ký tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này//*I/We agree to receive information, notices, instructions, advertisements related to the products from OCB according to my/our personal information registered in this Application cum Contract.*
- **Tôi/Chúng tôi** xác nhận rằng chữ ký dưới đây của **Tôi/Chúng tôi** cũng là chữ ký mẫu mà OCB sẽ sử dụng để kiểm tra tính xác thực của các chỉ thị do **Tôi/Chúng tôi** gửi đến OCB//*I/We confirm that*

the signature below is also my/our signature specimen that OCB will use to verify the authenticity of instructions sent by me/us to OCB.

- Bằng việc ký tên vào Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này, **Tôi/Chúng tôi** xác nhận rằng đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ toàn bộ nội dung đã được đăng tải trên website: www.ocb.com.vn, bao gồm: Thỏa thuận Mở, Quản lý và Sử dụng Tài khoản Thanh Toán (sau đây gọi tắt là “Thỏa Thuận”); Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ Tín dụng OCB dành cho khách hàng cá nhân, Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng OCB Installment MasterCard Platinum dành cho khách hàng cá nhân (trong trường hợp đề nghị phát hành thẻ OCB Installment MasterCard Platinum), Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ ghi nợ OCB; Điều khoản và điều kiện sử dụng OCB OMNI và Phương thức xác thực OCB iOTP - nếu có đăng ký (sau đây gọi tắt là “Các Điều khoản và Điều kiện”); Các biểu phí của OCB, Thư chào mừng, Bảng thông báo giao dịch và các điều khoản và điều kiện khác có liên quan đến các dịch vụ mà **Tôi/Chúng tôi** đã đăng ký sử dụng tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng này. Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng Thỏa Thuận, các Điều khoản và Điều kiện, các Biểu phí của OCB và các văn bản sửa đổi, điều chỉnh tại từng thời điểm cùng với “Giấy đề nghị kèm Hợp đồng mở, sử dụng Thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ” cấu thành nên một Hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý giữa **Tôi/Chúng tôi** và OCB, có hiệu lực kể từ ngày OCB chấp thuận cấp tài khoản thanh toán, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được quy định tại Mục D - Phần dành cho Đơn vị tiếp nhận hồ sơ/*By signing this Application cum Contract, I/We confirm that I/We have read, understood, agreed, and committed to comply with all contents published on the website: www.ocb.com.vn, including: The Agreement for Opening, Managing, and Using Payment Account (hereinafter referred to as the “Agreement”); Terms and Conditions for issuing and using OCB Credit Cards for individual customers, Terms and Conditions for using OCB Installment MasterCard Platinum Credit Cards for individual customers (in case of applying for OCB Installment MasterCard Platinum), Terms and Conditions for issuing and using OCB Debit Cards; Terms and Conditions for using OCB OMNI and the OCB iOTP Authentication Method - if registered (hereinafter referred to as the “Terms and Conditions”); OCB’s Fee Schedules, Welcome Letter, Transaction Notification and other terms and conditions related to the services that I/We have registered to use in this Application cum Contract. I/We agree that the Agreement, the Terms and Conditions, OCB’s Fee Schedules, and the amendments, adjustments at each time along with the “Application cum Contract for opening, using Credit Card, payment account, debit card, and registering services” constitute a legally binding Contract between me/us and OCB, effective from the date OCB approves to grant the payment account, credit card, debit card as specified in Section D - The section for Receiving Unit.*
- Thỏa thuận, Các Điều khoản và Điều kiện, Các biểu phí của OCB từng thời điểm được công bố công khai trên website chính thức của OCB; hoặc khi khách hàng có yêu cầu, sẽ được cung cấp miễn phí tại bất kỳ chi nhánh hoặc phòng giao dịch nào của OCB; hoặc dưới các hình thức khác/*The Agreement, the Terms and Conditions, OCB’s Fee Schedules at each time are publicly disclosed on OCB’s official website; or upon customer’s request, will be provided free of charge at any OCB branch or transaction office; or in other forms.*
- **Tôi/Chúng tôi** cam kết chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh liên quan đến việc quản lý, sử dụng Tài khoản thanh toán, Thẻ tín dụng, Thẻ ghi nợ và các dịch vụ mà **Tôi/Chúng tôi** được cấp/*I/We commit to be responsible for the transactions arising related to the management, use of Payment Account, Credit Card, Debit Card, and services granted to me/us.*

.....Ngày/Date...../...../.....

Chủ tài khoản kèm Chủ Thẻ chính/Primary Account Holder and Primary Cardholder

Chữ ký lần 1/Specimen signature 1 (Ký và ghi rõ họ tên/Signature and full name)		Chữ ký lần 2/Specimen signature 2 (Ký và ghi rõ họ tên/Signature and full name)	
.....Ngày/Date...../...../..... Chủ thẻ phụ thứ nhất <i>First Supplementary Cardholder</i>		Ngày/Date...../...../..... Chủ thẻ phụ thứ hai <i>Second Supplementary Cardholder</i>	
Chữ ký lần 1/ Specimen signature 1 (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature and full name)	Chữ ký lần 2/ Specimen signature 2 (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature and full name)	Chữ ký lần 1/ Specimen signature 1 (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature and full name)	Chữ ký lần 2/ Specimen signature 2 (Ký và ghi rõ họ tên/ Signature and full name)

Dự kiến thời gian phù hợp để OCB có thể liên hệ với Anh/Chị tại nơi làm việc/ A suitable time for OCB to contact you at your workplace

☐ Các buổi sáng trong tuần/Weekday mornings (8h00 – 12h00)

☐ Các buổi chiều trong tuần/Weekday afternoons (13h00 – 15h00)

☐ Thời gian cụ thể khác phù hợp với Anh/Chị/Other specific times convenient for you:

D. PHẦN DÀNH CHO ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ/FOR OCB USE ONLY

Số hợp đồng/ Contract Number:

Ngày hợp đồng/Contract Date:

Mã CN/ PGD/Branch/Transaction Office Code:

Tên CN/ PGD/ Branch/Transaction Office Name:

☐ Không đồng ý mở tài khoản thanh toán/Do not agree to open a payment account

Lý do/Reason:

☐ Đồng ý mở tài khoản thanh toán/Agree to open a payment account.....

Ngày hiệu lực tài khoản/Account effective date/...../.....

VND: USD:

Khác/Other:

Mã số CIF Chủ Thẻ chính/ <i>Primary Cardholder CIF</i> <i>Number</i>	CIF Chủ thẻ phụ 1/Supplementary Cardholder CIF 1	CIF Chủ thẻ phụ 2/ Supplementary Cardholder CIF 2
---	---	--

Mã khuyến mãi/ <i>Promotion Code</i> :	
Tên người giới thiệu/ CTV (nếu có)/ <i>Referrer/Agent Name (if any)</i>	
Mã người giới thiệu/CTV/ <i>Referrer/Agent Code</i>	
Tên người tiếp nhận hồ sơ/ <i>Document Receiver Name</i>	
Sale ID	
Ngày ký/ <i>Date Signed</i> : ____/____/____ Cán bộ xác nhận/Verifier⁽³⁾ (Ký và ghi rõ Họ tên/ <i>Signature and full name</i>)	Ngày ký/ <i>Date Signed</i> : ____/____/____ Giao dịch viên/Teller (Ký và ghi rõ Họ tên/ <i>Signature and full name</i>)
Ngày ký/ <i>Date Signed</i> : ____/____/____ Kiểm soát viên/TP. DVKH/Supervisor/Head of Customer Service Department (Ký và ghi rõ Họ tên/ <i>Signature and full name</i>)	Ngày ký/ <i>Date Signed</i> : ____/____/____ Trưởng ĐVKD/Người được ủy quyền/Branch Manager/Authorized Person (Ký và ghi rõ Họ tên/ <i>Signature and full name</i>)
³⁾ Bằng việc ký vào Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này, Cán bộ xác nhận cam kết rằng mình đã chứng kiến chủ tài khoản kiêm Chủ thẻ và (các) Chủ thẻ phụ (nếu có) ký vào Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này, hoặc đã tự mình xác minh chữ ký trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này là chữ ký thật của họ. Cán bộ xác nhận và Người phê duyệt chịu trách nhiệm về tính xác thực của các mẫu chữ ký trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này/By signing this Application cum Contract, the Verifier confirms that they have either witnessed the account holder and the primary and supplementary cardholders (if any) signing this Application cum Contract, or personally verified that the signatures on this Application cum Contract are their genuine signatures. The Verifier and Approver are responsible for the authenticity of the signature samples on this Application cum Contract.	

PHỤ LỤC 01/ APPENDIX 01

THÔNG TIN NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CHỦ THẺ CHÍNH VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

INFORMATION ON RELATED PERSON(S) OF THE PRIMARY CARDHOLDER AND CAPITAL UTILIZATION PLAN

(Áp dụng đối với hạn mức đề nghị trên 400 triệu VND/ Applicable for credit limits exceeding 400 million VND)

Kèm theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân/
Attached to the Application and Agreement for Opening and Using Credit Card, Payment Account, Debit Card, and Service Registration for Individual Customers số/no.....ngày/dated

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN/PERSONAL/ORGANIZATIONAL INFORMATION OF RELATED PERSONS¹

Phân loại người có liên quan của Chủ thẻ chính (Khách hàng)/ <i>Classification of Related Persons of the Principal Cardholder (Customer)</i>	Tên tổ chức/ cá nhân/ <i>Name of Organization/ Individual</i>	Mã số thuế/ Số ĐKKD/ Mã số DN (với tổ chức) <i>Tax Code/Business Registration Number/Enterprise Code (for organizations)</i> ² CCCD/TCC/ Hộ chiếu (với cá nhân) <i>ID/Passport Number (for individuals)</i> ³	Người đại diện theo pháp luật (với tổ chức) <i>Legal Representative (for organizations)</i>	Địa chỉ trụ sở chính (với tổ chức) <i>Head Office Address (for organizations)</i> Địa chỉ cư trú (với cá nhân) <i>Residential Address (for individuals)</i>	Mối quan hệ/ <i>Relationship</i> ⁴
--	---	--	---	--	---

¹ Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Khách hàng theo Khoản 24, Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024/Related persons refer to organizations or individuals who have a direct or indirect relationship with the Customer according to Clause 24, Article 4 of the Law on Credit Institutions 2024.

² Trong trường hợp Doanh nghiệp không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì có thể thể hiện thông tin về số giấy tờ pháp lý tương đương/ In case the enterprise does not have a Certificate of Business Registration, information on an equivalent legal document may be provided.

³ Quốc tịch Việt Nam ghi thông tin CCCD/TCC; người nước ngoài ghi thông tin Quốc tịch, số Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/For Vietnamese nationality, provide information on ID card; for foreigners, provide information on nationality, passport number, date of issue, and place of issue.

⁴ Ghi tỷ lệ góp vốn, quan hệ điều hành, kiểm soát, quan hệ khác,.../ Specify the equity contribution ratio, management relationship, control relationship, or other relevant relationships,...

a)	Công ty con mà Khách hàng là người quản lý⁵, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ⁶ hoặc của tổ chức tín dụng/ <i>Subsidiary companies where the Customer is a manager, supervisor, or a member of the Supervisory Board of the parent company or of a credit institution;</i> Công ty con mà Khách hàng có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, kiểm soát viên, thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng/ <i>Subsidiary companies where the Customer has the authority to appoint managers, supervisors, or members of the Supervisory Board of the parent company or of a credit institution;</i>					
b)	Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà khách hàng là người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát/<i>Companies or credit institutions where the Customer is a manager, supervisor, or a member of the Supervisory Board;</i>					
c)	Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà khách hàng sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên/<i>Companies or credit institutions where the Customer owns 5% or more of the charter capital or voting shares;</i>					

⁵ Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý doanh nghiệp tư nhân và người quản lý công ty, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty/*A business manager is defined as the manager of a private enterprise and the manager of a company, including the owner of a private enterprise, general partners, Chairman of the Members' Council, members of the Members' Council, Chairman of the company, Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, Director or General Director, and individuals holding other managerial positions as stipulated in the company's charter.*

⁶ Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; (iii) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó/ *A company is considered the parent company of another company if it falls under any of the following cases: (i) Owning more than 50% of the charter capital or the total number of ordinary shares of that company; (ii) Having the direct or indirect right to appoint the majority or all members of the Board of Directors, Director, or General Director of that company; (iii) Having the right to decide on amendments and supplements to the charter of that company.*

d)	Cá nhân có mối quan hệ gia đình ⁷ với khách hàng và đang có quan hệ tín dụng với OCB/ <i>Individuals with family relationships with the customer and currently have a credit relationship with OCB;</i>					
e)	Công ty hoặc tổ chức tín dụng mà khách hàng có mối quan hệ gia đình với người giữ chức vụ quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc Tổ chức tín dụng đó/ <i>Companies or credit institutions where the customer has a family relationship with individuals holding managerial positions, supervisors, members of the Supervisory Board, capital-contributing members, or shareholders owning 05% or more of the charter capital or voting shares in that company or credit institution;</i>					
f)	Tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a, b, c, d, e mục này ủy quyền cho khách hàng đại diện phần vốn góp/ <i>Organizations or individuals specified in points a, b, c, d, and e of this section who authorize the customer to represent their capital contribution;</i>					

⁷ Bao gồm vợ/chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột/ *This includes a spouse; biological parents, adoptive parents, stepfather, stepmother, parents-in-law; biological children, adopted children, stepchildren of the spouse, daughter-in-law, son-in-law; siblings with the same parents, siblings with the same father but different mothers, siblings with the same mother but different fathers; brothers-in-law, sisters-in-law, siblings of the spouse; grandchildren; paternal grandparents, maternal grandparents; nephews and nieces; uncles, aunts, and other immediate family members.*

Cá nhân được khách hàng ủy quyền đại diện phần vốn góp/<i>Individuals authorized by the customer to represent their capital contribution;</i> Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp từ cùng một tổ chức đã ủy quyền đại diện phần vốn góp cho khách hàng/<i>Individuals authorized to represent the capital contribution from the same organization that has authorized the customer to represent its capital contribution.</i>					
---	--	--	--	--	--

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN KHẢ THI TỪ KHOẢN CẤP TÍN DỤNG/FEASIBLE USE OF CREDIT FACILITY PLAN

- ☐ Hàng hóa và dịch vụ thiết yếu: *mua gì? Tổng chi phí?*
Essential goods and services: *What was purchased? Total cost?*
- ☐ Nội thất, thiết bị gia dụng, công nghệ: *mua gì? Tổng chi phí?*
Furniture, household appliances, technology: *What was purchased? Total cost?*
- ☐ Giải trí và du lịch: *đi đâu? Tổng chi phí?*
Entertainment and travel: *Where did you go? Total cost?*
- ☐ Giáo dục: *cho ai? Tại đâu? Tổng chi phí?*
Education: *For whom? Where? Total cost?*
- ☐ Chăm sóc sức khỏe, làm đẹp: *cho ai? Tổng chi phí?*
Healthcare and beauty care: *For whom? Total cost?*
- ☐ Tiêu dùng khác: *mua gì? Tổng chi phí?*
Other consumption: *What was purchased? Total cost?*